

V/v báo cáo tình hình lập, trình thẩm định, phê duyệt Đề án phân loại đô thị, Chương trình phát triển từng đô thị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Kính gửi: UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh đến năm 2025; Công văn số 823/UBND-KTCN ngày 19/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc lập Đề án phân loại đô thị, lập Chương trình phát triển từng đô thị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Sở Xây dựng có Công văn số 315/SXD-PTĐT ngày 28/02/2018 về việc thực hiện Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh giai đoạn đến năm 2025; Công văn số 2042/SXD-PTĐT ngày 18/7/2018 về việc phối hợp lập, trình thẩm định phê duyệt Đề án phân loại đô thị, Chương trình phát triển từng đô thị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Công văn số 2814/SXD-PTĐT ngày 31/10/2018 về việc báo cáo tình hình lập, trình thẩm định, phê duyệt Đề án phân loại đô thị, Chương trình phát triển từng đô thị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (*Các văn bản được đăng trên Website của Sở Xây dựng, Mục Tài liệu/ Tài liệu khác*).

Đến nay, Sở Xây dựng đã phối hợp với các địa phương và Đơn vị tư vấn hoàn thành công tác lập, thẩm định, trình phê duyệt, tổ chức công bố, lưu trữ hồ sơ các đô thị, cụ thể:

- Về Chương trình phát triển đô thị:

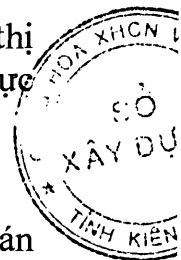
+ Đề cương và dự toán: 12/14 đô thị hiện trạng đã phê duyệt (Đô thị Phú Quốc, Hòn Tre; thị trấn Kiên Lương, Hòn Đất, Sóc Sơn, Tân Hiệp, Minh Lương, Giồng Riềng, Gò Quao, Vĩnh Thuận, Thứ Ba, Thứ Mười Một); 03/05 đô thị hình thành mới (Đầm Chít, Thứ Bảy, U Minh Thượng).

+ Chương trình phát triển đô thị: 05/14 đô thị hiện trạng đã phê duyệt (thị trấn Tân Hiệp, Vĩnh Thuận, Giồng Riềng, Gò Quao, Sơ đồ phân bố các khu vực phát triển đô thị thành phố Rạch Giá); 0/05 đô thị hình thành mới.

- Về Đề án phân loại đô thị:

+ Đề cương và dự toán: 05/14 đô thị hiện trạng đã có Quyết định và Đề án công nhận (Rạch Giá, Phú Quốc, Hà Tiên, Kiên Lương, Hòn Tre), 02/14 đô thị đã phê duyệt dự toán (thị trấn Minh Lương, Tân Hiệp).

+ Trình thẩm định phê duyệt: 03/14 đô thị hiện trạng (thị trấn Hòn Đất, Sóc Sơn, Vĩnh Thuận).



Để có cơ sở tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh việc thực hiện Đề án phân loại đô thị, Chương trình phát triển từng đô thị trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, Sở Xây dựng đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

1. Báo cáo tình hình thực hiện công tác lập, trình thẩm định, phê duyệt Đề án phân loại đô thị, Chương trình phát triển từng đô thị trên địa bàn theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 823/UBND-KTCN (đối với các đô thị chưa thực hiện) (*Có Biểu mẫu đính kèm*)

2. Nêu rõ các nguyên nhân khó khăn, vướng mắc¹ của địa phương;

3. Đề xuất kiến nghị điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh (*nếu có*).

Báo cáo gửi về Sở Xây dựng **trước ngày 31/7/2018** để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; Địa chỉ số 745B Nguyễn Trung Trực, P. An Hòa, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, file mềm gửi về Email: ptdt.sxd@kiengiang.gov.vn hoặc ptdt.sxd@gmail.com. Thông tin chi tiết liên hệ Đ/c Ngô Thị Phương Thảo, điện thoại: 02973.928.727 hoặc 0949.90.90.11, Email: ntpthao.sxd@kiengiang.gov.vn.

Đề nghị Quý cơ quan phối hợp, thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Như trên;
- Các phòng QLĐT; Phòng HTKT huyện, thành phố;
- Trung tâm QHXD; Các ĐV Tư vấn;
- BGĐ Sở (b/c);
- Lưu VT; ntpthao.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trịnh Nam Trung



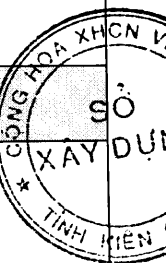
¹ Do Quy hoạch chung đô thị chậm, chưa thực hiện (Minh Lương), Đang có chủ trương điều chỉnh Quy hoạch chung (Hà Tiên, Kiên Lương), xin bổ sung vốn (Phú Quốc), chưa lựa chọn được đơn vị tư vấn có năng lực, chưa bố trí vốn;...

Phụ lục Danh mục, lộ trình nâng loại và hình thành mới đô thị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2020²
(Ban hành kèm theo Công văn số 963/SXD-PTĐT ngày 08/7/2019 của Sở Xây dựng)

STT	Tên đô thị	Hiện trạng			Quyết định phê duyệt Đề cương, dự toán Chương trình PTĐT				Kế hoạch vốn lập Đề án phân loại đô thị ³ đến 2020					Kiến nghị, đề xuất của địa phương
		Cấp hành chính trực thuộc	Loại	Dân số đô thị (người)	Số/ ngày	Giá trị dự toán (VNĐ)	Tiến độ thực hiện	Đơn vị Tư vấn	Loại	Kế hoạch (năm)	Ước kinh phí (VNĐ)	Tiến độ thực hiện	Đơn vị Tư vấn	
A	Các đô thị hiện trạng					3.481.167.986					3.080.000.000			
1	Thành phố Rạch Giá	tỉnh Kiên Giang	II	242.362			1052/QĐ-UBND ngày 07/5/2019 của UBND tỉnh	Trung tâm Quy hoạch xây dựng	II					
2	Thành phố Hà Tiên	tỉnh Kiên Giang	III	49.496				Trung tâm Quy hoạch xây dựng	III					
3	Thị trấn Kiên Lương	H. Kiên Lương	IV	36.016	2431/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	264.362.388		Công ty TĐ IVĐT XD Kiên Giang	IV					
4	Thị trấn Hòn Đất	H. Hòn Đất	V	29.142	2202/QĐ-UBND ngày 29/9/2016	264.362.388		Trung tâm Quy hoạch xây dựng	V			Tờ trình 139/TT-TTQH ngày 14/11/2018 của TTQH	Trung tâm Quy hoạch xây dựng	
5	Thị trấn Sóc Sơn	H. Hòn Đất	V		2200/QĐ-UBND ngày 29/9/2016	264.362.388		Trung tâm Quy hoạch xây dựng	V			Tờ trình 138/TT-TTQH ngày 14/11/2018 của TTQH	Trung tâm Quy hoạch xây dựng	
6	Thị trấn Minh Lương	H. Châu Thành	V	22.396	2195/QĐ-UBND ngày 29/9/2016	263.835.459		Trung tâm Quy hoạch xây dựng	IV	2018	770.000.000	4278/QĐ-UBND ngày 04/10/2018 của UBND huyện	Trung tâm Quy hoạch xây dựng	
7	Thị trấn Giồng Riềng	H. Giồng Riềng	V	18.573	2203/QĐ-UBND ngày 29/9/2016	262.328.731	2736/QĐ-UBND ngày 20/11/2018 của UBND tỉnh	Trung tâm Quy hoạch xây dựng	IV	2019	770.000.000			
8	Thị trấn Tân Hiệp	H. Tân Hiệp	V	20.745	2198/QĐ-UBND ngày 29/9/2016	264.362.388	1295/QĐ-UBND ngày 04/6/2018 của UBND tỉnh	Trung tâm Quy hoạch xây dựng	IV	2019	770.000.000	4278/QĐ-UBND ngày 04/10/2018 của UBND huyện	Trung tâm Quy hoạch xây dựng	
9	Thị trấn Gò Quao	H. Gò Quao	V	10.115	2205/QĐ-UBND	262.328.731	1423/QĐ-UBND	Trung tâm	V					

² Trích Phụ lục 1, 3 Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 28/04/2017 của UBND tỉnh Kiên Giang.

³ Ước tính chi phí theo Bảng số 1 (Định mức chi phí lập đề án phân loại đô thị) Thông tư 12/2017/TT-BXD ngày 30/11/2017 của Bộ Xây dựng; Chưa bao gồm chi phí làm phim minh họa về thực trạng phát triển đô thị, thuế giá trị gia tăng theo quy định hiện hành, hệ số điều chỉnh k = 1,3 đối với trường hợp lập đề án phân loại đô thị của các đô thị hải đảo.



STT	Tên đô thị	Hiện trạng			Quyết định phê duyệt Đề cương, dự toán Chương trình PTĐT				Kế hoạch vốn lập Đề án phân loại đô thị ³ đến 2020					Kiến nghị, đề xuất của địa phương
		Cấp hành chính trực thuộc	Loại	Dân số đô thị (người)	Số/ ngày	Giá trị dự toán (VNĐ)	Tiến độ thực hiện	Đơn vị Tư vấn	Loại	Kế hoạch (năm)	Ước kinh phí (VNĐ)	Tiến độ thực hiện	Đơn vị Tư vấn	
					ngày 29/9/2016		ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh	Quy hoạch xây dựng						
10	Thị trấn Thứ Ba	H. An Biên	V	12.008	2430/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	264.362.388		Công ty Đặc Thành	V					
11	Thị trấn Thứ Mười Một	H. An Minh	V	7.264	2429/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	265.717.978		Công ty TĐ TVĐT XD Kiên Giang	V					
12	Thị trấn Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận	V	14.490	2201/QĐ-UBND ngày 29/9/2016	262.328.731	1636/QĐ-UBND ngày 23/7/2018 của UBND tỉnh	Trung tâm Quy hoạch xây dựng	IV	2020	770.000.000	Tờ trình 74/TT-TTQH ngày 27/6/2019 của TTQH	Trung tâm Quy hoạch xây dựng	
13	Đô thị Phú Quốc	H. Phú Quốc.	II	119.369	1091/QĐ-UBND ngày 11/5/2016	580.487.685			II					
14	Đô thị Hòn Tre	H. Kiên Hải	V	4.353	2197/QĐ-UBND ngày 29/9/2016	262.328.731		Trung tâm Quy hoạch xây dựng	V					
B	Các đô thị hình thành mới:					787.906.646					1.600.000.000			
15	Đầm Chít	H. Giang Thành			2044/QĐ-UBND ngày 29/9/2017	257.605.308	06 tháng kể từ ngày Đề cương, dự toán được phê duyệt	Công ty TĐ TVĐT XD Kiên Giang	V	2018	320.000.000			
16	Thứ Bảy	H. An Biên và H. An Minh			1745/QĐ-UBND ngày 18/8/2017	272.109.436		Công ty Đặc Thành	V	2018	320.000.000			
17	U Minh Thượng	H. U Minh Thượng			2772/QĐ-UBND ngày 20/12/2017	258.191.902		Công ty TĐ TVĐT XD Kiên Giang	V	2019	320.000.000			
18	Tắc Cậu	H. Châu Thành							V	2018	320.000.000			
19	Thổ Chu	H. Phú Quốc							V	2019	320.000.000			
	Hệ thống đô thị		14	510.692		4.269.074.632			19		4.680.000.000			